TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 7 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Hồng

2. Ông Phùng Quốc Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST- HNGĐ ngày 13/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cà Thị L, sinh năm: 1980. Nơi ĐKHKTT: Bản Hùn, xã X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về giải quyết phần tài sản chung: Anh Cà Văn T. Sinh năm: 1971. Địa chỉ: Bản Hào, xã X1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vì Văn Z, sinh năm: 1977. Nơi ĐKHKTT: Bản Hùn, xã X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Ngọc C. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, chị Đặng Thị T1. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Trần Cao K. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị S, Trần Xuân S. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Lê Minh D. Địa chỉ: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năn 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cà Thị L trình bày như sau:

Chị Cà Thị L và anh Vì Văn Z kết hôn với nhau từ năm 1999 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/12/1999.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Z nghiện hút ma túy và sau đó phải đi cai nghiện bắt buộc nhiều lần khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị đã nhiều lần tha thứ cho anh Z để anh Z có cơ hội sửa chữa nhưng anh Z vẫn tái nghiện. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Z được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Z.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vì T1 Duyên, sinh ngày 05/7/2000 và cháu Vì Văn Hải, sinh ngày 14/3/2002. Cháu Duyên đã trưởng thành, cháu Hải cũng đã lớn nên chị tôn trọng nguyện vọng của cháu Hải, muốn ở với ai thì người đó sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc cháu đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa chị nhận trách nhiệm được nuôi dưỡng giáo dục cháu Hải đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ hai gian lợp proxi măng xây năm 2010 trên đất của bố mẹ đẻ anh Z cho ở nhờ, hiện nay ngôi nhà đã dột nát. Ngoài ra anh chị có 01 xe máy Honda, 01 chiếc tivi đã cũ và những tài sản khác không còn giá trị, toàn bộ tài sản này hiện anh Z đang sử dụng. Chị có nguyện vọng nếu cháu Hải ở cùng anh Z chị sẽ không yêu cầu chia tài sản mà để lại cho anh Z và cháu Hải sở hữu, sử dụng. Tại phiên tòa hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung vợ chồng: Nợ ông Đỗ Ngọc C số tiền 10.000.000VNĐ tiền mua xe máy; Nợ anh Lê Minh D số tiền 6.300.000VNĐ tiền mua tivi; Nợ gia đình anh Nguyễn Văn T số tiền 16.000.000VNĐ; Nợ gia đình ông Trần Cao K số tiền 11.700.000VNĐ; Nợ gia đình bà Đặng Thị Sơn (S) 28.000.000VNĐ. Nguyên vọng của chị là chia đôi nghĩa vụ trả nợ vì là nợ chung của vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2018, toàn bộ lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Vì Văn Z trình bày như sau:

Quá trình kết hôn anh nhất trí như chị L đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không làm chủ được bản thân mắc vào tệ nạn xã hội phải đi cai nghiện nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh xác nhận vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vì T1 Duyên, sinh ngày 05/7/2000 và cháu Vì Văn Hải, sinh ngày 14/3/2002. Quá trình giải quyết vụ án anh có ý kiến cháu Duyên đã trưởng thành, nếu buộc phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hải đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị L trợ cấp nuôi con chung cùng anh. Tuy nhiên tại phiên tòa, cháu Hải có nguyện vọng muốn ở với anh nhưng anh Z không nhận trách nhiệm nuôi cháu Hải vì cho rằng bản thân anh sức khỏe yếu không đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với lời khai của chị L đã trình bày tài sản chung gồm có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ hai gian lợp proxi măng làm năm 2010 trên đất của bố mẹ đẻ anh cho ở nhờ hiện nay đã cũ. Ngoài ra anh chị có 01 xe máy HONDA và 01 chiếc tivi hiện nay anh đang trực tiếp sử dụng. Nguyện vọng của anh Z vì không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến đề nghị giải quyết. Trước khi anh đi cai nghiện ma túy gia đình anh chị còn có 02 con trâu, 05 con dê anh đề nghị chị L làm rõ hiện nay đang ở đâu, nếu trả nợ thì trả cho ai. Tại phiên tòa, anh Z chị L thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của chị L về các khoản nợ như trên là nợ chung nhưng anh đều nghị Tòa án buộc chị L phải trả hai phần, anh trả một phần vì hiện nay sức khỏe của anh bị yếu không có khả năng lao động để thanh toán cho các chủ nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc C trình bày: Ngày 29/10/2014 vợ chồng anh chị L Z có đến cửa hàng ông để mua 01 xe máy loại xe Honda trị giá 20.000.000VNĐ, anh chị có thanh toán cho cửa hàng số tiền 10.000.000VNĐ, còn nợ số tiền 10.000.000VNĐ. Hai bên thỏa thuận có giấy tờ viết tay, thời hạn trả nợ là 30/10/2015 với lãi suất 2%/tháng. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh Z, chị L yêu cầu anh Z chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh theo như thỏa thuận ban đầu.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh D trình bày: Ngày 05/07/2012 anh chị L Z có đến cửa hàng anh mua 01 tivi 21ing nhãn hiệu Benco, 01 đầu đĩa MP5 và 01 loa tổng số tiền là 6.300.000VNĐ. Đến nay anh chị L Z vẫn chưa thanh toán cho anh số tiền trên. Nay anh yêu cầu anh Z chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 6.300.000VNĐ không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2019 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T1, anh Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 21/10/2014 anh chị L Z có đến nhà hỏi vay anh số tiền 16.000.000VNĐ thỏa thuận vay với

lãi suất 2%/tháng. Năm 2016 chị L có đến thanh toán cho gia đình anh chị 01 lần tiền gốc và lãi phát sinh, còn nợ lại số tiền gốc 6.000.000VNĐ. Đến ngày 22/10/2016 chị L tiếp tục đến hỏi vay thêm 10.000.000VNĐ để chữa trị cho con trai. Từ đó đến nay anh chị L Z chưa thanh toán cho gia đình anh thêm khoản tiền nào. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh Z, chị L yêu cầu anh Z chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 16.000.000VNĐ không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Cao K trình bày: Ngày 18/02/2016 vợ chồng L Z có đến vay gia đình ông số tiền 11.700.000VNĐ thỏa thuận vay với lãi suất 2,5%/ tháng. Đến nay anh chị L Z chưa thanh toán cho ông toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh như thỏa thuận. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn yêu cầu anh Z chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 11.700.000VNĐ và lãi phát sinh theo như thỏa thuận ban đầu.

Tại bản tự khai ngày 22/01/2019 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Sơn, Trần Xuân S trình bày: Đầu năm 2016 gia đình anh chị L Z có đến nhà bà mua phân, cây giống và gạo với tổng số tiền là 28.300.000VNĐ, hai bên thỏa thuận nợ lại số tiền trên với lãi xuất 2%/ tháng và hẹn đến 01/10/2017 sẽ thanh toán cả gốc và lãi. Đến ngày 27/4/2017 chị L vay thêm của gia đình bà 500.000VNĐ. Đến nay anh chị L Z vẫn chưa thanh toán cho gia đình bà. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn nên yêu cầu anh Z chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 28.800.000VNĐ và lãi phát sinh. Tại phiên tòa bà Sơn thay đổi ý kiến yêu cầu anh chị L Z thực hiện nghĩa vụ thanh toán 28.800.000VNĐ tiền gốc không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác minh về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, xem xét thẩm định tại chỗ đối với khối tài sản chung của vợ chồng. Yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thủ tục công bố tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Phía bị đơn đã được Tòa án giải thích nghĩa vụ chứng minh và nghĩa vụ của đương sự khi tham

gia tố tụng nhưng không thực hiện như: Không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 59, 60, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị L đối với anh Vì Văn Z.

Về con chung: Giao cháu Vì Văn Hải, sinh ngày 14/3/2002 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hải trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Anh Z không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Xác nhận toàn bộ số nợ như các đương sự trình bày là nợ chung của vợ chồng, đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị L, anh Z có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại bản Hùn, xã X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quá trình giải quyết vụ án, có tranh chấp với nhau về vấn đề ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị Sơn được Tòa án tống đạt hợp lệ và có mặt tại phiên tòa. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Đỗ Ngọc C, ông Trần Cao K, anh Lê Minh D đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa nhưng đều có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn

[2.1] Về hôn nhân: Chị Cà Thị L và anh Vì Văn Z tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1999, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/12/1999. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Z nghiện hút ma túy và sau đó phải đi cai nghiện bắt buộc nhiều lần khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị L đã nhiều lần tha thứ cho anh Z để anh Z có cơ hội sửa chữa nhưng anh Z vẫn tái nghiện. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Z được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Z. Anh Z có ý kiến vẫn còn tình cảm với chị L, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng, tổ chức hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh anh Z nghiện hút ma túy. Anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Tuy anh Z có ý kiến muốn được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng lại không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Z.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vì T1 Duyên, sinh ngày 05/7/2000 và cháu Vì Văn Hải, sinh ngày 14/3/2002. Cháu Duyên đã trưởng thành. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Z chị L đều nhất trí tôn trọng nguyện vọng của con chung. Tại phiên tòa, anh Z không nhận nuôi cháu Hải vì cho rằng bản thân anh sức khỏe yếu và cháu Hải có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào nguyện vọng của cháu Hải để giao cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Z không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự đều thống nhất tài sản chung vợ chồng có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ hai gian lợp proxi măng xây năm 2010 có diện tích 30m^2 làm trên đất thuộc thửa số 19 + 20 tờ bản đồ số H-9-2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vì Văn Viện (bố đẻ anh Vì Văn Z) cho ở nhờ; 01 xe máy HONDA và 01 chiếc tivi hiện nay anh Z đang quản lý, sử dụng và một số tài sản khác không còn giá trị. Ngày 07.5.2019 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng, đều phù hợp như lời trình bày của các đương sự và xác định toàn bộ tài sản là 01 ngôi nhà gỗ 02 gian hiện đã cũ dột nát, ngoài ra có 01 chuồng trâu

lợp proxi măng, 01 chăn, 01 xe bò đã cũ không còn giá trị sử dụng, hiện đều đang do anh Z quản lý, sử dụng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không đề nghị phân chia tài sản, mà chị L thống nhất với anh Z toàn bộ những tài sản sẽ do anh Z trực tiếp quản lý và sử dụng, đối với 01 xe máy, tivi nếu ai sử dụng tài sản thì người đó sẽ tự chịu trả nợ cho việc mua tài sản này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần tài sản chung trong vụ án mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận nợ chung của vợ chồng gồm nợ ông Đỗ Ngọc C số tiền 10.000.000VNĐ là tiền vợ chồng đi mua xe máy; Nợ anh Lê Minh D số tiền 6.300.000VNĐ là tiền mua tivi; Nợ gia đình anh Nguyễn Văn T, Đặng Thị T1 số tiền 16.000.000VNĐVNĐ mục đích vay để chữa bệnh cho con là cháu Vì Văn Hải phải cấp cứu vào ngày 21.10.2014; Nợ ông Trần Cao K số tiền 11.700.000VNĐ vào 18.2.2016 mục đích để mua phân và ngô giống; Nợ gia đình bà Đặng Thị Sơn, Trần Xuân S 28.800.000VNĐ vào ngày 01.10.2016. Tổng cộng là 72.800.000VNĐ. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng được các đương sự xác nhận tại phiên tòa, việc vay tiền phát sinh trong thời K hôn nhân, mục đích vay để phục vụ cuộc sống gia đình.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất nhau, đối với khoản nợ mua xe máy và tiền mua tivi nếu anh sử dụng những tài sản này thì sẽ phải tự trả nợ cho những người đã bán tài sản gồm anh Đỗ Ngọc C 10.000.000VNĐ, anh Lê Minh D 6.300.000VNĐ. Các khoản nợ khác anh Z có ý kiến cần chia nghĩa vụ trả nợ ra làm ba phần, trong đó anh sẽ trả một phần còn chị L trả hai phần vì cho rằng trước khi anh bị bắt buộc đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La tài sản chung còn có 02 con trâu và một số con dê. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh Z không chứng minh được vợ chồng có tài sản này. Theo kết quả xác minh của Tòa án đối với ông Lèo Văn Chơ tại bản Nà Phường, xã X, huyện Mai Sơn thì vào cuối năm 2017 (trong thời gian anh Z đi cai nghiện ma túy), chị L đã bán trâu đi để trả nợ cho ông tổng số tiền là 17.800.000VNĐ là tiền hai vợ chồng đã vay từ trước.

Hội đồng xét xử xét thấy cần cứ Điều 60 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ cho phù hợp với thực tế. Do hiện nay anh Z là người trực tiếp quản lý tài sản như 01 xe máy, ti vi nên phải có nghĩa vụ thanh toán hết những khoản nợ này cho ông Đỗ Ngọc C số tiền 10.000.000VNĐ, anh Lê Minh D 6.300.000VNĐ không lãi suất;

Ngoài ra anh Z còn phải trả cho gia đình anh Nguyễn Văn T, Đặng Thị T1 số tiền 16.000.000VNĐ; trả cho ông Trần Cao K số tiền 11.700.000VNĐ. Tổng nợ 44.000.000vnđ.

Chị L có trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng cho gia đình bà Đặng Thị Sơn 28.800.000VNĐ.

Đối với các khoản nợ trên được xác lập trước ngày 01.01.2017, giữa bên vay và bên cho vay có thỏa thuận về lãi suất vượt quá quy định. Tuy nhiên trong quá trình xét xử các đương sự đã sửa đổi cách tính lãi xuất đều phù hợp với quy

định của ngân hàng tại thời điểm vay nợ, do đó cần áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự buộc các đương sự thực hiện đúng quy định.

[2.5] Về án phí, lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; 59; 60; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26; điểm a, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị L được ly hôn với anh Vì Văn Z.

2. Về con chung: Cháu Vì T1 Duyên, sinh ngày 05/7/2000 đã trưởng thành. Giao cháu Vì Văn Hải, sinh ngày 14/3/2002 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Z không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Z được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Z thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu phân chia nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Z nhận trách nhiệm trả các khoản nợ sau: Trả cho ông Đỗ Ngọc C số tiền 10.000.000VNĐ; anh Lê Minh D số tiền 6.300.000VNĐ (vì anh Z là người đang trực tiếp quản lý sử dụng tài sản là 01 xe máy và 01 ti vi).

- Anh Z có trách nhiệm trả cho gia đình anh Nguyễn Văn T, Đặng Thị T1 số tiền 16.000.000VNĐ; trả cho ông Trần Cao K số tiền 11.700.000VNĐ.

- Chị L có trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng cho gia đình bà Đặng Thị Sơn 28.800.000VNĐ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ chưa thanh toán được số tiền trên, lãi suất do các bên tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận được mức lãi suất thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Anh Z phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về nợ chung của vợ chồng phải thực hiện là 2.200.000VNĐ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ và án phí về dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về nợ chung của vợ chồng phải thực hiện là: 1.440.000vnđ (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số AA/2013/0001807.

Về lệ phí Tòa án: Chị L nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu là 1.500.000 đồng đã nộp tại Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã X1;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn T